

Số: 66/2022/QĐST-HNGĐ

Thành phố L, ngày 28 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH L

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 91/2022/TLST - HNGĐ, ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

- Chị Nguyễn Hằng N, sinh năm: 1978

Địa chỉ: số nhà 344, đường Trần H, tổ 11, phường Đ, thành phố L, tỉnh L.

- Anh Phạm Minh Tr, sinh năm: 1977

Địa chỉ: số nhà 344, đường Trần H, tổ 11, phường Đ, thành phố L, tỉnh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng chị Nguyễn Hằng N và anh Phạm Minh Tr trở về đoàn tụ nhưng chị N và anh Tr đã không hàn gắn được tình cảm, vẫn giữ nguyên quan điểm là yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và thống nhất thỏa thuận những nội dung sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Hằng N và anh Phạm Minh Tr đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về việc nuôi con: chị Nguyễn Hằng N và anh Phạm Minh Tr có 02 con chung, cháu Phạm Đức T, sinh ngày 19/5/2001, hiện nay cháu đã thành niên đủ 18 tuổi và cháu Phạm Đức Q, sinh ngày 18/02/2011. Chị N và anh Tr thỏa thuận như sau:

Chị Nguyễn Hằng N là người được quyền trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Phạm Đức Q đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Về phần cấp dưỡng nuôi con chung: anh Tr không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Minh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn và không ai được cản trở anh Tr thực hiện quyền này.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: chị Nguyễn Hằng N và anh Phạm Minh Tr tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: chị Nguyễn Hằng N và anh Phạm Minh Tr mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm. Chị N tự nguyện nộp thay anh Tr số tiền lệ phí mà anh Tr phải nộp là 150.000 đồng. Anh Tr nhất trí để chị N nộp thay số tiền lệ phí 150.000 đồng. Tổng cộng chị Nguyễn Hằng N phải nộp 300.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Hằng N và anh Phạm Minh Tr thuận tình ly hôn.

- Về việc nuôi con: chị Nguyễn Hằng N và anh Phạm Minh Tr có 02 con chung, cháu Phạm Đức T, sinh ngày 19/5/2001, hiện nay cháu đã thành niên đủ 18 tuổi và cháu Phạm Đức Q, sinh ngày 18/02/2011. Chị N và anh Tr thỏa thuận như sau:

Chị Nguyễn Hằng N là người được quyền trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Phạm Đức Q đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Về phần cấp dưỡng nuôi con chung: anh Tr không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Minh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn và không ai được cản trở anh Tr thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, nợ chung cho vay chung: chị Nguyễn Hằng N và anh Phạm Minh Tr tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Về lệ phí Tòa án: chị Nguyễn Hằng N và anh Phạm Minh Tr mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm. Chị N tự nguyện nộp thay anh Tr số tiền lệ phí mà anh Tr phải nộp, anh Tr nhất trí. Tổng cộng chị Nguyễn Hằng N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận chị Nguyễn Hằng N đã nộp đủ số tiền lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001097 ngày 26/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh L.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ný sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND phường NL, thị xã M, tỉnh ĐB;
- TAND tỉnh L;
- VKSND TP L;
- Chi cục THADS TP L;
- Lưu: Hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Tòng Thị Tuyết